

Số: 99/BC-STP

Kon Tum, ngày 08 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Kết quả công tác phòng, chống tham nhũng Quý I/2024**

Thực hiện Văn bản số 2493/UBND-NC ngày 02/8/2022 của UBND tỉnh về việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN); Văn bản số 3399/UBND-NC ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực; Văn bản số 494/TTr-NV3 ngày 08/8/2022 của Thanh tra tỉnh về việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ công tác PCTN, Sở Tư pháp báo cáo công tác PCTN Quý I/2024 như sau:

**A. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PCTN**

**I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN trong phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN**

*a. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN*

- Thực hiện Kế hoạch số 4229/KH-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030; Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế, khuyết điểm trong công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTN,TC) và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/04/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong năm 2024; Sở Tư pháp đã ban hành các Kế hoạch<sup>1</sup> để triển khai thực hiện công tác PCTN,TC trong cơ quan.

<sup>1</sup> Kế hoạch số 01/KH-STP ngày 02 tháng 01 năm 2024; Kế hoạch số 81/KH-STP ngày 19 tháng 12 năm 2023; Kế hoạch số 05/KH-STP ngày 15 tháng 01 năm 2024; Kế hoạch số 07/KH-STP ngày 25 tháng 01 năm 2024.

- Ban hành văn bản hướng dẫn các ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả công tác PBGDPL theo định kỳ hàng quý với các hình thức, nội dung cụ thể phù hợp với từng đối tượng<sup>2</sup>.

- Tham gia ý kiến đối với dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về quán triệt và triển khai thực hiện chỉ đạo của Đồng chí Thường trực Ban Bí thư tại Hội nghị tổng kết công tác ngành Nội chính Đảng và hoạt động của Ban Chỉ đạo PCTN,TC tỉnh năm 2023<sup>3</sup>; dự thảo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá công tác PCTN năm 2023<sup>4</sup> và dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện kết luận Phiên họp lần thứ 6 của Ban Chỉ đạo PCTN,TC tỉnh<sup>5</sup> theo đề nghị của Thanh tra tỉnh. Tham gia ý kiến đối với dự thảo Kế hoạch của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo PCTN,TC tỉnh<sup>6</sup> theo đề nghị của Sở Tài chính.

- Ban hành Kế hoạch của Ủy viên Ban Chỉ đạo PCTN,TC tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện Chương trình công tác năm 2024 và Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2024 của Ban Chỉ đạo PCTN,TC tỉnh<sup>7</sup>.

*b. Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN: không.*

*c. Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: không.*

*d. Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác PCTN: Sở Tư pháp giao cho Thanh tra Sở chủ trì, phối hợp với các Phòng, Trung tâm thuộc và trực thuộc Sở thực hiện công tác PCTN,TC trong cơ quan.*

*đ. Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN*

- Nêu cụ thể:

+ Sở Tư pháp trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 18/01/2024 về công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

+ Số lượng băng rôn, áp phích: không.

+ Đăng tải 11 tin, bài viết... về các văn bản pháp luật mới ban hành, các văn bản có nội dung liên quan đến PCTN,TC trên Trang Thông tin điện tử của Sở và

<sup>2</sup> Văn bản số 204/STP-XDKTr&PBPL ngày 26/01/2024.

<sup>3</sup> Văn bản số 349/STP-TTr ngày 26-02-2024

<sup>4</sup> Văn bản số 350/STP-TTr ngày 26-02-2024

<sup>5</sup> Văn bản số 08/STP-TTr ngày 21-02-2024

<sup>6</sup> Văn bản số 366/STP-TTr ngày 27-02-2024

<sup>7</sup> Kế hoạch (không số) ngày 27-02-2024

Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh.

+ Các hình thức tuyên truyền khác: không.

## **2. Về thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng**

### *a. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động*

- Kết quả công khai, minh bạch theo Điều 10 Luật PCTN: Sở Tư pháp thực tốt việc công khai, minh bạch các nội dung cụ thể sau:

+ Thực hiện đầy đủ các chính sách, pháp luật có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của công chức, viên chức và người lao động (CCVC và NLD); tiết kiệm chi để tăng thu nhập cho CCVC và NLD trong cơ quan. Thường xuyên cử CCVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ công tác.

+ Quán triệt và lãnh đạo, chỉ đạo CCVC và NLD thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý và sử dụng tài sản công, đảm bảo chặt chẽ, không để hư hỏng, thất thoát.

+ Thực hiện có hiệu quả, đúng quy định trong công tác tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển CCVC thuộc thẩm quyền của Sở, đảm bảo hợp lý và phát huy hiệu quả. Thường xuyên chỉ đạo CCVC và NLD thực hiện đúng quy tắc ứng xử trong cơ quan, chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và nội quy, quy chế; giữ gìn đoàn kết nội bộ và phát huy dân chủ trong cơ quan.

*b. Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:* Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Quyết định số 122/QĐ-STP ngày 05/10/2023 của Sở Tư pháp về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan Sở Tư pháp, đảm bảo bao quát đầy đủ các định mức, tiêu chuẩn và chế độ theo quy định.

*c. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn:* Lãnh đạo Sở và Thủ trưởng các Phòng, Trung tâm thuộc và trực thuộc Sở thực hiện nghiêm túc quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn.

*d. Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:* Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 68/KH-STP ngày 10/10/2023 của Sở Tư pháp về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức thuộc Sở Tư pháp theo Thông tư số 05/2023/TT-BTP ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tư pháp về việc Quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp tại chính quyền địa phương.

*đ. Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:* Tiếp tục đổi mới và áp dụng khoa học, công nghệ trong công tác quản lý và điều hành. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng phần mềm quản lý văn bản điện tử VNPT - Ioffice trong quá trình xử lý công việc nội bộ. Qua đó, góp phần nâng cao chất

lượng quản lý và năng suất công việc, giảm chi phí hành chính. Việc trả lương, phụ cấp và các khoản thu nhập khác,...đều thanh toán qua tài khoản ngân hàng.

*e. Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn*

- Số người đã kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ (*trong đó số người: kê khai lần đầu, kê khai bổ sung, kê khai hàng năm, kê khai phục vụ công tác cán bộ*): 0.

- Số bản kê khai được công khai, hình thức công khai: 0.

- Số người được xác minh tài sản thu nhập; kết quả xác minh: không.

- Số người bị xử lý do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; hình thức xử lý: không.

**3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng:** không.

**4. Kết quả PCTN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước:** không.

**5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN:** không.

**6. Hợp tác quốc tế về PCTN:** không.

**7. Kết quả tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm**  
**Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW ngày 01/8/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương**  
**về PCTN,TC**

Tiếp tục triển khai Văn bản số 3399/UBND-NC ngày 10/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN,TC và Văn bản số 1570/STP-TTr ngày 13/10/2022 của Sở Tư pháp về thực hiện Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN,TC.

*(Gửi kèm Biểu 01/PCTN, 02/PCTN, 03/PCTN)*

## **II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG**

### **1. Đánh giá tình hình**

a. Sở Tư pháp đã triển khai và thực hiện có hiệu quả các giải pháp về công tác PCTN,TC, chú trọng việc thực hiện công tác PBGDPL về PCTN, TC. Vì vậy, tại Sở Tư pháp không xảy ra tham nhũng.

b. So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Giữ mức (*không xảy ra tham nhũng*).

### **2. Dự báo tình hình tham nhũng**

a. Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*): Giữ mức (*không xảy ra tham nhũng*).

b. Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng: không.

### **III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN,TC**

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN,TC trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý:

- Công tác PCTN,TC luôn được Lãnh đạo Sở xác định là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên chỉ đạo thực hiện; công tác PCTN,TC được gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của cơ quan. Chủ động đề ra các giải pháp để triển khai kịp thời, đầy đủ các nội dung chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền về PCTN,TC.

- CCVC và NLD trong cơ quan thực hiện nghiêm túc Luật PCTN, góp phần đẩy mạnh phong trào đấu tranh PCTN,TC, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý. Trong kỳ báo cáo, Sở Tư pháp không có vi phạm về PCTN,TC.

2. So sánh hiệu quả công tác PCTN,TC kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Giữ mức (*không xảy ra tham nhũng*).

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN,TC: Hoàn tốt nhiệm vụ về công tác PCTN,TC.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN,TC: không.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. **Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp:** Chú trọng triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Kết luận số 05-KL/TW, ngày 03-6-2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng và Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN,TC.

2. **Kiến nghị, đề xuất:** không.

### **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC**

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

##### **1. Công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)**

- Tự kiểm tra 19 Quyết định do UBND tỉnh ban hành. Qua tự kiểm tra chưa phát hiện văn bản trái pháp luật.

- Kiểm tra theo thẩm quyền 05 văn bản do HĐND-UBND cấp huyện ban hành. Qua kiểm tra chưa phát hiện văn bản trái pháp luật.

- Trình UBND tỉnh về việc đề nghị ban hành chỉ đạo xử lý các VBQPPL có nội dung chưa phù hợp, chưa đảm bảo thể thức, kỹ thuật trình bày theo kết luận của Đoàn kiểm tra liên ngành Bộ Tư pháp<sup>8</sup>.

- Phối hợp với Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp tổ chức Hội thảo nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành VBQPPL của địa phương - Nhìn từ góc độ kiểm tra, rà soát VBQPPL tại tỉnh Kon Tum<sup>9</sup>.

- Trình UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch triển khai công tác pháp chế; kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum<sup>10</sup>; Văn bản chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 12 năm 2023<sup>11</sup>; Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội; thực hiện chính sách về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập<sup>12</sup>.

- Ban hành: Văn bản về việc xử lý nội dung trái pháp luật của Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh<sup>13</sup>; Báo cáo về tình hình xử lý các kết luận kiểm tra của Đoàn kiểm tra liên ngành (Bộ Tư pháp chủ trì) và các Kết luận của Cục Kiểm tra VBQPPL<sup>14</sup>.

## **2. Rà soát hệ thống hóa các VBQPPL**

- Thường xuyên thực hiện việc rà soát các văn bản do UBND tỉnh ban hành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Ban hành: Văn bản về việc đề nghị các sở, ban, ngành rà soát, xác định hiệu lực pháp lý của VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành<sup>15</sup>; Văn bản về việc hướng dẫn, đôn đốc hệ thống hóa VBQPPL luật kỳ 2019 - 2023 trên địa bàn tỉnh<sup>16</sup>; Văn bản đôn đốc rà soát, xác định hiệu lực pháp lý của VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành<sup>17</sup>.

- Rà soát các VBQPPL do UBND tỉnh ban hành quy định về giá theo đề

<sup>8</sup> Tờ trình số 185/TTr-STP ngày 15/12/2023; Công văn số 157/UBND-NC ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh.

<sup>9</sup> Giấy mời số 39/GM-STP ngày 23/11/2023; Công văn số 2193/STP-XDKTr&PBPL ngày 27/11/2023.

<sup>10</sup> Tờ trình số 189/TTr-STP ngày 20/12/2023; Kế hoạch số 4557/KH-UBND ngày 27/12/2023 của UBND tỉnh.

<sup>11</sup> Tờ trình số 11/TTr-STP ngày 22/01/2024; Công văn số 486/UBND-NC ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh.

<sup>12</sup> Tờ trình số 30/TTr-STP ngày 23/02/2024.

<sup>13</sup> Công văn số 211/STP-XDKTr&PBPL ngày 29/01/2023.

<sup>14</sup> Báo cáo số 80/BC-STP ngày 26/02/2024.

<sup>15</sup> Công văn số 2265/STP-XDKTr&PBPL ngày 06/12/2023.

<sup>16</sup> Công văn số 2370/STP-XDKTr&PBPL ngày 13/12/2023.

<sup>17</sup> Công văn số 30/STP-XDKTr&PBPL ngày 05/01/2023.

ngị của Sở Tài chính<sup>18</sup>. Tổng hợp, kiểm tra kết quả rà soát của các sở, ban, ngành và trình Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định về việc công bố Danh mục VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh Kon Tum ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong năm 2023<sup>19</sup>.

- Ban hành: Văn bản đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố lập danh mục, tự kiểm tra rà soát các văn bản có liên quan về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt<sup>20</sup>; Văn bản về việc ý kiến đối với kết quả rà soát, xác định VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực trong năm 2023 thuộc lĩnh vực nội vụ, tài chính, văn hóa, thể thao và du lịch, ban quản lý khu kinh tế, nông nghiệp<sup>21</sup>; Văn bản về việc đôn đốc thực hiện hệ thống hóa văn bản kỳ 2019 - 2023<sup>22</sup>.

- Tổng hợp, kiểm tra kết quả rà soát của các sở, ban, ngành và trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh ban hành kỳ 2019-2023 (từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2023)<sup>23</sup>.

- Ban hành: Văn bản tham gia ý kiến kết quả hệ thống hoá VBQPPL kỳ 2019-2023 thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ<sup>24</sup>; Văn bản đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố lập danh mục, tự kiểm tra rà soát các VBQPPL có liên quan đến Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>25</sup>; Văn bản về việc ý kiến đối với kết quả rà soát, xác định VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực trong năm 2023 thuộc lĩnh vực của Sở Y tế<sup>26</sup>; Văn bản đề nghị Sở Y tế rà soát các VBQPPL có liên quan đến Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>27</sup>; Văn bản đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát các VBQPPL có liên quan đến Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050<sup>28</sup>.

### **3. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật**

- Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 18/01/2024 của UBND tỉnh về công tác PBGDPL; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 trên địa bàn tỉnh, nhằm định hướng cho các ngành, địa phương tổ chức thực hiện phổ biến, quán triệt nội dung các Luật, Pháp lệnh, văn bản mới ban hành, văn bản liên quan chặt chẽ đến tình hình chính trị, kinh tế, xã

<sup>18</sup> Công văn số 2376/STP-XDKTr&PBPL ngày 25/12/2023.

<sup>19</sup> Tờ trình số 10/TTr-STP ngày 16/01/2024.

<sup>20</sup> Công văn số 07/STP-XDKTr&PBPL ngày 02/01/2024.

<sup>21</sup> Công văn số 13/STP-XDKTr&PBPL ngày 03/01/2024; Công văn số 25/STP-XDKTr&PBPL ngày 04/01/2024; Công văn số 28/STP-XDKTr&PBPL ngày 05/01/2024; Công văn số 31/STP-XDKTr&PBPL ngày 05/01/2024; Công văn số 32/STP-XDKTr&PBPL ngày 05/01/2024.

<sup>22</sup> Công văn số 212/STP-XDKTr&PBPL ngày 29/01/2023.

<sup>23</sup> Tờ trình số 22/TTr-STP ngày 15/02/2024

<sup>24</sup> Công văn số 139/STP-XDKTr&PBPL ngày 19/01/2024.

<sup>25</sup> Công văn số 177/STP-XDKTr&PBPL ngày 24/01/2024.

<sup>26</sup> Công văn số 188/STP-XDKTr&PBPL ngày 24/01/2024.

<sup>27</sup> Công văn số 324/STP-XDKTr&PBPL ngày 21/02/2023.

<sup>28</sup> Công văn số 325/STP-XDKTr&PBPL ngày 21/02/2023.

hội ở địa phương... trong đó, tập trung vào các văn bản, quy định có liên quan đến PCTN, tiêu cực, lãng phí, khiếu nại, tố cáo... Đồng thời ban hành văn bản hướng dẫn các ngành, địa phương PBGDPL theo định kỳ hàng quý với các hình thức, nội dung cụ thể phù hợp với từng đối tượng<sup>29</sup>.

- Tham mưu Hội đồng Phối hợp PBGDPL tỉnh ban hành: Kế hoạch số 341/KH-HĐPH ngày 28/01/2024 về hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh Kon Tum năm 2024. Theo đó, chỉ đạo các thành viên của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh, Hội đồng phối hợp PBGDPL các huyện, thành phố xác định chủ đề, định hướng triển khai công tác PBGDPL nói chung, phổ biến các quy định của pháp luật có liên quan PCTN, TC, lãng phí nói riêng.

- Biên soạn, phát hành 01 số Thông tin PBGDPL (1.100 cuốn), 01 số Tập san Tư pháp (700 cuốn), góp phần nâng cao kiến thức, sự hiểu biết của mọi người về pháp luật nói chung và pháp luật PCTN nói riêng.

- Đăng tải 11 tin, bài viết... về các văn bản pháp luật mới ban hành, các văn bản có nội dung liên quan đến PCTN trên Trang Thông tin điện tử của Sở và Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh.

## **II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, TÒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN:** không.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác PCTN Quý I/2024 của Sở Tư pháp, kính gửi Thanh tra tỉnh tổng hợp./.

### **Nơi nhận:**

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở (đ/b);
- Văn phòng Sở;
- Trang Thông tin điện tử của Sở (đề đ/t);
- Lưu VT, TTr/STP./.

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Minh Thắng**

<sup>29</sup> Văn bản số 204/STP-XDKTr&PBPL ngày 26/01/2024.



Biểu số: 01/PCTN

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG**

*(Số liệu tính từ ngày 15/12/2023 đến ngày 08/3/2024)*

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	<b>CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT</b>		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác PCTN	Văn bản	05 (Kế hoạch số 01/KH-STP ngày 02 tháng 01 năm 2024; Kế hoạch số 81/KH-STP ngày 19 tháng 12 năm 2023; Kế hoạch số 05/KH-STP ngày 15 tháng 01 năm 2024; Kế hoạch số 07/KH-STP ngày 25 tháng 01 năm 2024; Văn bản số 204/STP-XDKTr&PBPL ngày 26/01/2024)
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	<b>TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN</b>		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về PCTN được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	0
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN được xuất bản	Tài liệu	Biên soạn, phát hành 01 số Thông tin phổ biến pháp luật (1.100 cuốn), 01 số Tập san Tư pháp (700 cuốn) theo định kỳ

7	Số lượng băng rôn, áp phích về PCTN được treo	Băng rôn	0
8	Số tin bài được đăng tải trên Trang thông tin điện tử	tin bài	Đăng tải tổng cộng 11 tin, bài trên Trang TTĐT Sở Tư pháp và Trang TTĐT PBGDPL tỉnh
9	Số tin bài được phát sóng, phát thanh trên truyền hình, loa đài	tin bài	0
	<b>PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		
	<b><i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i></b>		
10	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
11	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch</i>		
12	Số người vi phạm các quy định về công khai, minh bạch bị xử lý (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về công khai, minh bạch đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
	<b><i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i></b>		
13	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
14	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
15	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ ( <i>tự kiểm tra tại đơn vị, đơn vị trực thuộc hoặc thanh kiểm tra theo thẩm quyền</i> )	Cuộc	0

16	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
	<i>Tên vụ/cuộc thanh tra, kiểm tra phát hiện vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
17	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
18	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính (Điều 81 Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính, kết quả xử lý</i>		
19	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự, kết quả xử lý</i>		
20	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
21	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	<b>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</b>		
22	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
23	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0

	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
24	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
25	Giá trị quà tặng đã được nộp lại ( <i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i> )	Triệu đồng	0
26	Số người bị xử lý do có vi phạm quy định về xung đột lợi ích ( <i>Điều 84 Nghị định 59/2019/NĐ-CP</i> )	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm xung đột lợi ích đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
27	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân, chức vụ, đơn vị đã công tác bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ, kết quả xử lý</i>		
	<b><i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i></b>		
28	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
29	Số người bị xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác.	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác đã bị xử lý, kết quả xử lý</i>		
	<b><i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i></b>		
30	Số thủ tục hành chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	125
31	Số thủ tục hành chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	111

32	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
33	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
34	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
35	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
36	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
	<b><i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i></b>		
37	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	18
38	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
39	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
40	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
40.1	<i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>	Người	
40.2	<i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>	Người	
40.3	<i>Cụ thể cá nhân, chức vụ, đơn vị công tác bị xử lý do có vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập, kết quả xử lý</i>		
	<b>PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		
41	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
42	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0

<b><i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i></b>			
43	Số cuộc kiểm tra, tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị	Cuộc	0
44	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng PCTN	Vụ	0
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra</i>	<i>Vụ</i>	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng PCTN	Người	0
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan Thanh tra</i>	<i>Người</i>	
<b><i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i></b>			
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0

52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	<b><i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i></b>		
56	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
57	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
58	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
59	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Người	0
60	Số người bị xử lý do có vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng ( <i>Điều 85 Nghị định 59/2019/NĐ-CP</i> )	Người	0
	<i>Cụ thể cá nhân (chức vụ, đơn vị công tác) vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng, kết quả xử lý</i>		
	<b><i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i></b>		
61	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
62	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<b><i>Qua các hoạt động khác (ngoài các hoạt động nêu trên, nếu có)</i></b>		

63	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
64	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	<b><i>Qua điều tra tội phạm</i></b>		
65	Số vụ án tham nhũng ( <i>thuộc phạm vi quản lý</i> ) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
66	Số đối tượng tham nhũng ( <i>thuộc phạm vi quản lý</i> ) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	<b><i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i></b>		
67	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
69	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
70	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	<b>XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHŨNG</b>		
71	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
73.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	
73.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	
73.3	- <i>Cách chức</i>	Người	
	<b>XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ</b>		



74	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử ( <i>thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i> )	Vụ	0
75	Số đối tượng bị kết án tham nhũng ( <i>thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án</i> ), trong đó:	Người	0
75.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	
75.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	
75.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	
75.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	
76	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
77	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
78	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý ( <i>chưa có kết quả xử lý</i> )	Vụ	0
79	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý ( <i>chưa có kết quả xử lý</i> )	Người	0
	<b>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</b>		
80	Bằng tiền ( <i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i> )	Triệu đồng	0
81	Đất đai	m <sup>2</sup>	0
	<b>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</b>		
82	Bằng tiền ( <i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i> )	Triệu đồng	0
82.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	
82.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	
83	Đất đai	m <sup>2</sup>	0
83.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m <sup>2</sup>	
83.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m <sup>2</sup>	

	<b>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</b>		
84	Bằng tiền ( <i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i> )	Triệu đồng	0
85	Đất đai	m <sup>2</sup>	0
	<b>PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC</b>		
86	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội ( <i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i> ) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0
87	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội ( <i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i> ) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
88	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội ( <i>quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN</i> ) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
89	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0
90	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
91	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
92	Thiệt hại gây ra bởi các vụ án tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý ( <i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i> )	Triệu đồng	0
93	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý ( <i>tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam</i> )	Triệu đồng	0

**\* Ghi chú:**

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu;
- Chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu PCTN của đơn vị, địa phương; không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn;
- (1), (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước báo cáo.